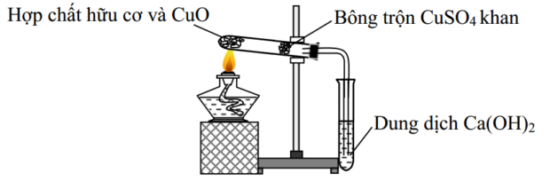
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THANH HÓA**  **CHUYÊN LAM SƠN**  *(Đề thi có 04 trang)*  *(40 câu trắc nghiệm)* | **ĐỀ THI THỬ TN THPT LẦN 1**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: HOÁ HỌC**  *Thời gian: 50 phút (không tính thời gian phát đề)* | |
|  | | **Mã đề ….** |

**Cho nguyên tử khối:** H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; Br = 80; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108; I = 127; Ba = 137.

**Câu 41:** Chất nào sau đây tác dụng với axit HCl thu được khí không màu, không mùi?

**A**.FeS. **B**.FeCO3. **C**.Fe3O4. **D**.Fe2O3.

**Câu 42:** Cho thí nghiệm như hình vẽ:



Trong thí nghiệm trên, CuSO4 khan có vai trò định tính nguyên tố nào dưới đây?

**A**.Nitơ. **B**.Hidro. **C**.Cacbon. **D**.Oxi.

**Câu 43:** Chất nào sau đây dùng để sản xuất tơ visco?

**A**.Saccarozơ. **B**.Fructozơ. **C**.Xenlulozơ. **D**.Glucozơ.

**Câu 44:** Số nguyên tử cacbon trong phân tử etyl acrylat là :

**A**.4. **B**.3. **C**.2. **D**.5.

**Câu 45:** Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp glucozơ, fructozơ và saccarozơ cần vừa đủ 4,48 lít khí O2. Hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy qua dung dịch nước vôi trong dư thu được a gam kết tủa. Giá trị của a là :

**A**.25. **B**.15. **C**.20. **D**.30.

**Câu 46:** Trong công nghiệp, kim loại kiềm thổ được điều chế bằng phương pháp nào?

**A**.Điện phân nóng chảy. **B**.Điện phân dung dịch.

**C**.Nhiệt luyện. **D**.Thủy luyện.

**Câu 47:** Chất khí nào sau đây dùng để khử trùng, diệt khuẩn nước sinh hoạt, nước bể bơi?

**A**.Cl2. **B**.O2. **C**.CO2. **D**.N2.

**Câu 48:** Dãy gồm các kim loại được xếp theo thứ tự tính khử tăng dần từ trái sang phải là :

**A**.Al, Na, K. **B**.K, Na, Al. **C**.Na, K, Al. **D**.Al, K, Na.

**Câu 49:** Nhận xét nào sau đây không đúng?

**A**.Trong tinh bột, amilozơ chiếm khoảng 20-30% về khối lượng.

**B**.Thủy phân xenlulozơ trong dung dịch kiềm, thu được β-glucozơ.

**C**.Phân tử tinh bột được tạo thành từ các đơn vị α–glucozơ.

**D**.Phân tử saccarozơ được tạo thành từ hai đơn vị α–glucozơ và β-fructozơ.

**Câu 50:** Cho 4,48 gam Fe tác dụng hết với dung dịch AgNO3 dư, thu được m gam kim loại. Giá trị của m là

**A**.17,28. **B**.5,12. **C**.8,64. **D**.25,92.

**Câu 51:** Tiến hành các thí nghiệm sau:

(a) Sục a mol khí CO2 vào 1,5 lít dung dịch NaOH aM.

(b) Sục a mol khí Cl2 vào dung dịch chứa 2,5a mol FeSO4.

(c) Cho hỗn hợp gồm a mol NaHSO4 và 1,2a mol NaHCO3 vào nước dư.

(d) Cho hỗn hợp gồm a mol Cu và 2a mol Fe(OH)3 vào dung dịch HCl dư.

Sau khi các phản ứng kết thúc, số thí nghiệm mà dung dịch thu được có chứa hai muối là

**A**.3. **B**.1. **C**.4. **D**.2.

**Câu 52:** Chất nào sau đây có nhiều trong nước mía?

**A**.Fructozơ. **B**.Saccarozơ. **C**.Protein. **D**.Glixerol.

**Câu 53:** Nhiệt phân hoàn toàn Fe(OH)2 trong không khí thu được chất rắn là

**A**.FeO. **B**.Fe3O4. **C**.Fe2O3. **D**.Fe(OH)3.

**Câu 54:** Trong hợp chất NaAlO2, nhôm có số oxi hóa là

**A**.+2. **B**.+4. **C**.+1. **D**.+3.

**Câu 55:** Polime nào sau đây thuộc loại chất dẻo?

**A**.Poliacrilonitrin. **B**.Polibutadien.

**C**.Poli(hexametylen adipamit). **D**.Polietilen.

**Câu 56:** Nhóm ion nào sau đây đều không tạo kết tủa với ion OH-?

**A**.Cu2+, Ag+. **B**.Ca2+, Mg2+. **C**.Na+, K+. **D**.Fe2+, Fe3+.

**Câu 57:** Ở điều kiện thường, X là chất khí không màu, độc, có mùi trứng thối. Khí X là

**A**.H2S. **B**.N2. **C**.CO2. **D**.NH3.

**Câu 58:** Cho hỗn hợp glyxin và alanin có tỉ lệ mol 2 : 3 tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch NaOH 0,2M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

**A**.2,108. **B**.2,128. **C**.2,052. **D**.2,072.

**Câu 59:** Trong thực tế, kim loại nào sau đây thường dùng làm dây dẫn điện?

**A**.Ag. **B**.Al. **C**.Au. **D**.Fe.

**Câu 60:** Cho các chất HCl (X); C2H5OH (Y); CH3COOH (Z); C6H5OH (phenol) (T). Dãy gồm các chất được sắp xếp theo tính axit tăng dần từ trái sang phải là:

**A**.(T), (Y), (X), (Z). **B**.(X), (Z), (T), (Y). **C**.(Y), (T), (Z), (X). **D**.(Y), (T), (X), (Z).

**Câu 61:** Kim loại nào sau đây dẻo nhất?

**A**.Zn. **B**.Mg. **C**.Ag. **D**.Al.

**Câu 62:** Kim loại nào sau đây dùng làm giấy gói thực phẩm?

**A**.Mg. **B**.Fe. **C**.K. **D**.Al.

**Câu 63:** Chất nào sau đây là amin bậc một?

**A**.(CH3)2NH. **B**.CH3NHC2H5. **C**.(CH3)3N. **D**.C6H5NH2.

**Câu 64:** Hợp chất nào sau đây có tính lưỡng tính?

**A**.Glyxin. **B**.Anilin. **C**.Benzen. **D**.Glucozơ.

**Câu 65:** Chất nào sau đây không tác dụng với axit axetic CH3COOH?

**A**.MgO. **B**.Ca(HCO3)2. **C**.MgCl2. **D**.CaCO3.

**Câu 66:** Tristearin không phản ứng với chất nào sau đây?

**A**.Dung dịch NaOH, t°. **B**.Dung dịch KOH, t°.

**C**.H2O xúc tác H2SO4 loãng, t°. **D**.H2 xúc tác Ni, t°.

**Câu 67:** Chất nào sau đây là thuộc dãy ankin?

**A**.C2H4. **B**.C2H2. **C**.C4H10. **D**.C3H6.

**Câu 68:** Hỗn hợp X gồm 2 chất tác dụng với dung dịch HCl (vừa đủ), thu được dung dịch Z chỉ chứa một muối. Hai chất trong X không thể là

**A**.Fe2O3 và FeO. **B**.Fe2O3 và Fe. **C**.FeO và Fe. **D**.Fe3O4 và Fe.

**Câu 69:** Hoà tan hoàn toàn 15,6 gam Al(OH)3 trong lượng dư dung dịch HCl thu được dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là

**A**.21,36. **B**.16,02. **C**.13,35. **D**.26,70.

**Câu 70:** Cho các polime sau: polipropilen, poli(vinyl clorua), polibutađien, poli(etylen terephtalat), poliisopren. Số polime được điều chế bằng phản ứng trùng hợp là

**A**.2. **B**.3. **C**.1. **D**.4.

**Câu 71:** Cho 53,12 gam hỗn hợp X gồm CuS, FeCO3, CuO và FeS2 (trong X nguyên tố oxi chiếm 13,253% về khối lượng hỗn hợp) vào bình kín thể tích không đổi chứa 0,71 mol O2 dư. Nung nóng bình đến khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn (không sinh ra SO3) rồi đưa về nhiệt độ ban đầu thì áp suất trong bình lúc này bằng 60/71 lần so với áp suất ban đầu (coi thể tích chất rắn thay đổi không đáng kể). Mặt khác, hòa tan hết 53,12 gam X bằng dung dịch H2SO4 đặc nóng, thu được dung dịch Y chứa m gam hỗn hợp hai muối (Fe2(SO4)3, CuSO4) và 1,78 mol hỗn hợp khí gồm hai khí CO2, SO2 (SO2 là sản phẩm khử duy nhất). Cô cạn dung dịch Y thu được chất rắn khan Z. Tính phần trăm khối lượng của muối có phân tử khối lớn hơn trong Z.

**A**.40,68%. **B**.94,40%. **C**.59,32%. **D**.29,66%.

**Câu 72:** Chia 23,2 gam hỗn hợp X gồm Na, K và Al thành 2 phần bằng nhau. Phần 1 tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 8,96 lít khí H2 (đktc). Phần 2 tác dụng với dung dịch HCl dư, cô cạn dung dịch thu được m gam chất rắn. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

**A**.25,8. **B**.40,0. **C**. 37,4. **D**.80,0.

**Câu 73:** Hỗn hợp E gồm 1 andehit đơn chức X và 1 axit cacboxylic Y đơn chức có tỉ lệ mol là 4 : 5. Đốt cháy hoàn toàn a mol hỗn hợp E thu được a mol khí CO2. Cho m gam hỗn hợp E tác dụng với lượng (dư) dung dịch AgNO3/NH3 được 140,4 gam bạc. Giá trị m gần nhất với giá trị nào sau đây?

**A**.16,10. **B**.16,51. **C**.17,10. **D**.17,51.

**Câu 74:** Cho các sơ đồ phản ứng sau:

X (t°) → X1 + X2 + H2O

X2 + NaOH → X3

X3 + X4 → Na2SO4 + X2↑ + H2O

Biết: X, X1, X2, X3 là các chất vô cơ khác nhau và X2 là chất khí duy nhất. Các chất X và X4 lần lượt là

**A**.NaHCO3 và NaHSO4. **B**.Ca(HCO3)2 và NaHSO4.

**C**.NH4HCO3 và H2SO4. **D**.CaCO3 và NaHSO4.

**Câu 75:** Cho các phát biểu sau:

(a) Sục khí H2 (xúc tác Ni) vào triolein trong nồi kín, để nguội thu được chất lỏng là tristearin.

(b) Dầu cọ, dầu oliu có thành phần chính là chất béo.

(c) Anilin là hợp chất lưỡng tính.

(d) Cao su lưu hóa có tính đàn hồi và độ bền cao hơn cao su thường.

(e) Amilopectin không tan trong nước cũng như trong các dung môi thông thường.

Số phát biểu đúng là

**A**.1. **B**.3. **C**.4. **D**.2.

**Câu 76:** Điện phân 100 ml dung dịch CuSO4 0,2M với cường độ dòng điện 9,65A. Biết hiệu suất điện phân là 100%. Tính khối lượng Cu bám vào catot khi thời gian điện phân t1 = 200 giây và t2= 500 giây.

**A**.0,64 gam và 1,32 gam. **B**.0,64 gam và 1,28 gam.

**C**.0,64 gam và 1,60 gam. **D**.0,32 gam và 0,64 gam.

**Câu 77:** Nung 32 gam hỗn hợp Fe, Cu trong khí oxi thu được 40 gam hỗn hợp X gồm Fe3O4, CuO, Fe, Cu với tỉ lệ số mol CuO : Cu = 5 : 1. Hòa tan hoàn toàn 40 gam hỗn hợp X vào dung dịch HCl (lấy dư 20% so với lượng phản ứng) thu được dung dịch Y và 2,24 lít H2. Cho dung dịch Y vào dung dịch AgNO3 dư, thu được 239,04 gam kết tủa. (Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn và NO là sản phẩm khử duy nhất của N+5). Phần trăm khối lượng của Fe trong hỗn hợp X là

**A**.25,76%. **B**.69,67%. **C**.76,19%. **D**.36,48%.

**Câu 78:** Hỗn hợp X chứa ancol đơn chức A, axit cacboxylic hai chức B và este 2 chức C đều mạch hở và có tỉ lệ mol tương ứng 3 : 2 : 3. Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X cần dùng 7,28 lít O2 (đktc). Mặt khác đun nóng m gam hỗn hợp X trong 130 ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch Y và hỗn hợp 2 ancol là đồng đẳng kế tiếp. Cô cạn dung dịch Y sau đó nung với CaO thu được duy nhất một hydrocacbon đơn giản nhất có khối lượng 0,24 gam. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số mol hidrocacbon nhỏ hơn số mol muối trong Y. Phần trăm khối lượng của axit B trong hỗn hợp X gần nhất với giá trị nào sau đây?

**A**.22,95%. **B**.30,10%. **C**.26,53%. **D**.35,42%.

**Câu 79:** Hai chất E và F đều mạch hở là đồng phân cấu tạo của nhau. Đốt cháy hoàn toàn E (134 < ME < 180), thu được số mol CO2 bằng với số mol O2 đã tham gia phản ứng. Từ E, F thực hiện sơ đồ phản ứng sau:

E + H2O (H2SO4, t°) → X + Y

F + H2O (H2SO4, t°) → X + Z + T

Biết: E, F chỉ chứa chức este trong phân tử; Y, T đều là ancol trong đó trong đó T no, đơn chức còn Y hòa tan được Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường. Cho các phát biểu sau:

(a) T tan vô hạn trong nước.

(b) 1 mol X tác dụng với dung dịch AgNO3 trong NH3 dư, thu được tối đa 2 mol Ag.

(c) E là este no, hai chức, mạch hở.

(d) Có 2 đồng phân cấu tạo thỏa mãn chất F.

(e) Chất Y dùng để điều chế tơ lapsan.

Số phát biểu đúng là

**A**.5. **B**.4. **C**.2. **D**.3.

**Câu 80:** Chia hỗn hợp gồm axit oleic, axit stearic và triglixerit X thành ba phần bằng nhau. Đun nóng phần một với dung dịch NaOH dư tới phản ứng hoàn toàn, thu được 30,48 gam hỗn hợp hai muối. Đốt cháy hoàn toàn phần hai cần vừa đủ 2,64 mol O2, thu được H2O và 1,86 mol CO2. Mặt khác, hidro hóa hoàn toàn phần ba thì cần vừa đủ V lít khí H2 (đktc). Giá trị của V là

**A**.1,344. **B**.0,448. **C**.2,240. **D**.0,896.

**ĐÁP ÁN VÀ GIẢI CHI TIẾT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 41B | 42B | 43C | 44D | 45C | 46A | 47A | 48A | 49B | 50D |
| 51A | **52B** | **53C** | **54D** | **55D** | **56C** | **57A** | **58A** | **59B** | **60C** |
| 61C | **62D** | **63D** | **64A** | **65C** | **66D** | **67B** | **68A** | **69D** | **70D** |
| 71C | **72B** | **73D** | **74B** | **75B** | **76B** | **77A** | **78C** | **79C** | **80A** |

**Câu 41:**

A. FeS + HCl **→** FeCl2 + H2S (Khí không màu, mùi trứng thối)

B. FeCO3 + HCl **→** FeCl2 + H2O + CO2 (Khí không màu, không mùi)

C. Fe3O4 + HCl **→** FeCl2 + FeCl3 + H2O (Không tạo khí)

D. Fe2O3 + HCl **→** FeCl3 + H2O (Không tạo khí)

**Câu 42:**

Vai trò của CuSO4 khan trong thí nghiệm trên là xác định sự có mặt của H: CuSO4 khan màu trắng, khi có H2O sẽ chuyển thành hiđrat màu xanh.

**Câu 45:**

Cn(H2O)m + nO2 **→** nCO2 + mH2O

**→** nCO2 = nO2 = 0,2

Ca(OH)2 dư **→** nCaCO3 = nCO2 = 0,2

**→** mCaCO3 = a = 20 gam

**Câu 49:**

Nhận xét B không đúng, xenlulozơ không bị thủy phân trong dung dịch kiềm.

**Câu 50:**

Fe + 3AgNO3 (dư) **→** 3Ag + Fe(NO3)3

nFe = 0,08 **→** nAg = 0,24 –> mAg = 25,92 gam

**Câu 51:**

**(a)** nNaOH/nCO2 = 1,5a/a = 1,5 nên tạo 2 muối Na2CO3, NaHCO3.

(b) nFe2+ > 2nCl2 nên tạo 2 cation Fe2+, Fe3+, kết hợp 2 gốc axit Cl-, SO42- thì dung dịch sẽ có 4 muối.

**(c)** NaHSO4 + NaHCO3 **→** Na2SO4 + CO2 + H2O

Dung dịch có 2 muối Na2SO4, NaHCO3 dư.

**(d)** Cu + 2Fe(OH)3 + 6HCl **→** 2FeCl2 + CuCl2 + 6H2O

**Câu 53:**

Nhiệt phân hoàn toàn Fe(OH)2 trong không khí thu được chất rắn là Fe2O3:

4Fe(OH)2 + O2 (t°) → 2Fe2O3 + 4H2O

**Câu 56:**

Nhóm ion Na+, K+ đều không tạo kết tủa với ion OH- vì các hợp chất NaOH, KOH đều tan.

**Câu 58:**

nGly = 2x; nAla = 3x

**→** nNaOH = 2x + 3x = 0,02 **→** x = 0,004

m muối = mGlyNa + mAlaNa = 97.2x + 111.3x = 2,108 gam

**Câu 60:**

Trong các chất trên, chức COOH có tính axit mạnh hơn OH. Gốc không no làm tăng tính axit, gốc no làm giảm tính axit.

**→** Tính axit tăng dần: (Y), (T), (Z), (X).

**Câu 65:**

A. MgO + CH3COOH **→** (CH3COO)2Mg + H2O

B. Ca(HCO3)2 + CH3COOH **→** (CH3COO)2Ca + CO2 + H2O

C. MgCl2 + CH3COOH: Không phản ứng

D. CaCO3 + CH3COOH **→** (CH3COO)2Ca + CO2 + H2O

**Câu 66:**

Tristearin là chất béo no nên không phản ứng với H2 xúc tác Ni, t°.

**Câu 68:**

**A.** Luôn tạo 2 muối với mọi tỉ lệ

Fe2O3 + HCl **→** FeCl3 + H2O

FeO + HCl **→** FeCl2 + H2O

B. Có thể chỉ tạo 1 muối với tỉ lệ phù hợp:

Fe2O3 + Fe + HCl **→** FeCl2 + H2O

Fe + HCl **→** FeCl2 + H2

C. Luôn tạo 1 muối với mọi tỉ lệ

FeO + HCl **→** FeCl2 + H2O

Fe + HCl **→** FeCl2 + H2

D. Có thể chỉ tạo 1 muối với tỉ lệ phù hợp:

Fe3O4 + Fe + HCl **→** FeCl2 + H2O

Fe + HCl **→** FeCl2 + H2

**Câu 69:**

Al(OH)3 + 3HCl **→** AlCl3 + 3H2O

nAlCl3 = nAl(OH)3 = 0,2 **→** mAlCl3 = 26,7 gam

**Câu 70:**

Có 4 polime được điều chế bằng phản ứng trùng hợp là: polipropilen, poli(vinyl clorua), polibutađien, poliisopren.

**Câu 71:**

Đặt a, b, c, d là số mol CuS, FeCO3, CuO và FeS2

mX = 96a + 116b + 80c + 120d = 53,12 (1)

nO = 3b + c = 13,253%.53,12/16 = 0,44 (2)

Bảo toàn electron **→** nO2 phản ứng = 1,5a + 0,25b + 2,75d

**→** 0,71 + (a + b + 2d) – (1,5a + 0,25b + 2,75d) = 0,71.60/71 (3)

Với H2SO4 đặc nóng dư, bảo toàn electron:

8a + b + 15d = 2(1,78 – b) (4)

(1)(2)(3)(4) **→** a = 0,04; b = 0,08; c = 0,2; d = 0,2

Muối gồm Fe2(SO4)3 (0,14) và CuSO4 (0,24) **→** %Fe2(SO4)3 = 59,32%

**Câu 72:**

Mỗi phần nặng 11,6 gam

nCl- = nNa+ + nK+ + 3nAl3+ = 2nH2 = 0,8

**→** m muối = 11,6 + 0,8.35,5 = 40 gam

**Câu 73:**

Số C = nCO2/nE = 1 **→** E gồm HCHO (4e) và HCOOH (5e)

nAg = 4.4e + 2.5e = 1,3 **→** e = 0,05

**→** mE = 30.4e + 46.5e = 17,5 gam

**Câu 74:**

Các chất X và X4 lần lượt là Ca(HCO3)2 và NaHSO4.

Ca(HCO3)2 (t°) → CaO + CO2 + H2O

CO2 + NaOH → NaHCO3

NaHCO3 + NaHSO4 → Na2SO4 + CO2↑ + H2O

**Câu 75:**

(a) Sai, khi để nguội thu được chất rắn là tristearin.

(b) Đúng

(c) Sai, anilin chỉ có tính bazơ, không có tính axit.

(d) Đúng

(e) Đúng, do amilopectin có phân tử khối rất lớn nên không tan trong nước cũng như trong các dung môi thông thường.

**Câu 76:**

nCuSO4 = 0,02

Khi t1 = 200s thì ne = It1/F = 0,02 **→** nCu = ne/2 = 0,01 **→** mCu = 0,64 gam

Khi t2 = 500s thì ne = It2/F = 0,05 **→** nCu = nCu2+ = 0,02 **→** mCu = 1,28 gam

**Câu 77:**

nH2O = nO = (40 – 32)/16 = 0,5; nH2 = 0,1

**→** nHCl phản ứng = 2nH2O + 2nH2 = 1,2

nHCl dư = 1,2.20% = 0,24

Bảo toàn Cl **→** nAgCl = 1,44

Từ m↓ = mAgCl + mAg **→** nAg = 0,3

Ban đầu nFe = a và nCu = b **→** 56a + 64b = 32

Bảo toàn electron: 3a + 2b = 2nO + 2nH2 + nAg + 3nNO

Với nNO = nH+ dư/4 = 0,06 **→** a = 0,544; b = 0,024

nCuO : nCu = 5 : 1 và nCuO + nCu = nCu ban đầu = 0,024

**→** nCuO = 0,02; nCu = 0,004

Bảo toàn O **→** nFe3O4 = (0,5 – 0,02)/4 = 0,12

Bảo toàn Fe **→** nFe = a – 0,12.3 = 0,184

**→** %Fe = 25,76%

**Câu 78:**

Hiđrocacbon đơn giản nhất là CH4 (0,015 mol) **→** Y chứa CH2(COONa)2 và NaOH.

Do nCH2(COONa)2 > nCH4 nên muối còn dư trong phản ứng vôi tôi xút:

CH2(COONa)2 + 2NaOH **→** CH4 + 2Na2CO3

**→** nNaOH = 0,03

Bảo toàn Na **→** nCH2(COONa)2 = 0,05

**→** nA = 0,03; nB = 0,02 và nC = 0,03

A = CH3OH + ?CH2 và (B, este) = (COOH)2 + ?CH2

**→** Quy đổi X thành CH3OH (0,03), (COOH)2 (0,05) và CH2 (x)

nO2 = 0,03.1,5 + 0,05.0,5 + 1,5x = 0,325

**→** x = 0,17

**→** mX = 7,84 gam và %CH2(COOH)2 = 0,02.104/7,84 = 26,53%

**Câu 79:**

nCO2 = nO2 nên E, F có dạng Cx(H2O)y

E, F chỉ chứa chức este trong phân tử và thủy phân F tạo 3 sản phẩm nên y lấy các giá trị 4, 6, 8…

Nếu y ≥ 6 thì x ≥ 8, lúc đó 134 < ME < 180 không thỏa mãn, loại. Vậy y = 4

**→** E, F là CxH8O4; 134 < ME < 180 nên x lấy giá trị 6, 7, 8

Y hòa tan được Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường nên chọn:

E là HCOO-CH2-CH(CH=CH2)-OOCH

X là HCOONa; Y là CH2=CH-CHOH-CH2OH

F là:

HCOO-CH=CH-COO-C2H5

HCOO-C(=CH2)-COO-C2H5

HCOO-CH=CH-CH2-COO-CH3

…

T là CH3OH hoặc C2H5OH

(a) Đúng

(b) Đúng

(c) Sai, E là este không no, có 1C=C, hai chức, mạch hở.

(d) Sai, F có nhiều đồng phân cấu tạo.

(e) Sai, tơ lapsan điều chế từ ancol C2H4(OH)2.

**Câu 80:**

Các muối đều 18C nên quy đổi mỗi phần thành HCOOH (a), CH2 (17a), H2 (b), C3H5(OH)3 (c) và H2O (-3c)

m muối = 68a + 14.17a + 2b = 30,48

nO2 = 0,5a + 1,5.17a + 0,5b + 3,5c = 2,64

nCO2 = a + 17a + 3c = 1,86

**→** a = 0,1; b = -0,06; c = 0,02

**→** nH2 làm no hỗn hợp = -b = 0,06

**→** V = 1,344 lít